

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2020



Ngành: **KHOA HỌC MÁY TÍNH**

Chuyên ngành: Công nghệ phần mềm;
Hệ thống thông tin.

Mã số ngành: **7480101**

Số tín chỉ tích lũy: **134**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			35	35	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					POL105
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					
4	POL108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2					
5	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					
6	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			9	9	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS202	Toán cao cấp	3	3					
3	NAS204	Vật lý đại cương	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
I.4.01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						ENG201
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	MAN201	Quản trị học		3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	ACC201	Kế toán đại cương		3					
2	MAR201	Marketing căn bản		3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	29	11	10	2	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			20	6	1	1	0	0	
1	INT306	Nhập môn ngành	2	2					
2	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
3	INT302	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	2					
4	INT307	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	1		1				
5	INT312	Lập trình C++	2	2					
6	INT313	TH Lập trình C++	1		1				
7	INT317	Lập trình C++ nâng cao	2	2					INT312
8	INT318	TH Lập trình C++ nâng cao	1		1				
9	INT304	Kiến trúc máy tính	2	2					
10	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	2					
11	INT303	Cơ sở dữ liệu	3	3					
12	INT308	Thực hành Cơ sở dữ liệu	1		1				
II.2. Các học phần chuyên ngành			47	23	10	4	2	0	
II.2a. Phần bắt buộc			35	15	6	4	2	0	
1	INT416	Hệ điều hành	2	2					
2	INT419	Lập trình hướng đối tượng	2	2					
3	INT435	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	1		1				
4	INT425	Mạng máy tính	2	2					
5	INT441	Thực hành Mạng máy tính	1		1				
6	INT464	Công nghệ Java	2	2					
7	INT465	Thực hành Công nghệ Java	1		1				
8	INT417	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	2	2					INT303
9	INT433	Thực hành Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	1		1				INT308
10	INT427	Phân tích thiết kế hệ thống	2	2					INT303
11	INT443	Thực hành Phân tích thiết kế hệ thống	1		1				INT308
12	INT412	Cơ sở Trí tuệ nhân tạo	2	2					NAS306
13	INT431	Thực hành Cơ sở trí tuệ nhân tạo	1		1				NAS306
14	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3	3					
Chuyên ngành Công nghệ phần mềm									
15	INT423	Lập trình web	2	2					INT419
16	INT439	Thực hành lập trình web	1		1				INT435
17	INT421	Lập trình trên các thiết bị di động	2	2					INT419
18	INT437	Thực hành lập trình trên các thiết bị di động	1		1				INT435
19	INT410	Đồ án chuyên ngành Công nghệ phần mềm	2				2		
20	INT409	Thực tập cơ sở Công nghệ phần mềm	4			4			
Chuyên ngành Hệ thống thông tin									
15	INT401	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	2					INT417
16	INT402	Thực hành cơ sở dữ liệu phân tán	1		1				INT433
17	INT418	Khai phá dữ liệu	2						INT412
18	INT434	TH Khai phá dữ liệu	1						INT431
19	INT414	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2				2		
20	INT585	Thực tập cơ sở Hệ thống thông tin	4			4			
II.2b. Phần tự chọn			12	8	4	0	0	0	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
	Chọn 12 tín chỉ		12	8	4				
		(Chọn 1 trong 3 cặp HP)							
1	INT468	Công nghệ web	2	2					INT466
2	INT469	Thực hành Công nghệ web	1		1				INT467
3	INT470	Công nghệ portal	2	2					INT466
4	INT471	Thực hành Công nghệ Portal	1		1				INT467
5	INT481	Công nghệ.NET	2	2					INT466
6	INT482	Thực hành Công nghệ.NET	1		1				INT467
Chuyên ngành Công nghệ phần mềm									
		(Chọn 1 trong 2 cặp HP)							
1	INT466	Công nghệ phần mềm	2	2					INT419
2	INT467	Thực hành Công nghệ phần mềm	1		1				INT435
3	INT420	Lập trình nhúng	2	2					INT419
4	INT436	Thực hành Lập trình nhúng	1		1				INT435
		(Chọn 1 trong 2 cặp HP)							
11	INT474	Kiểm thử phần mềm	3	3					
12	INT472	Phát triển mã nguồn mở	2	2					
13	INT473	Thực hành Phát triển mã nguồn mở	1		1				
		(Chọn 1 trong 3 cặp HP)							
14	INT475	Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	2	2					
15	INT476	Thực hành Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	1		1				
16	INT477	Quản lý dự án phát triển phần mềm	2	2					
17	INT478	Thực hành Quản lý dự án phát triển phần mềm	1		1				
18	INT479	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	2	2					
19	INT480	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	1		1				
Chuyên ngành Hệ thống thông tin									
		(Chọn 1 trong 3 cặp HP)							
1	INT403	Hệ thống thông tin quản lý	2	2					
2	INT404	TH Hệ thống thông tin quản lý	1		1				
3	INT405	Oracle	2	2					
4	INT406	TH Oracle	1		1				
5	INT560	An toàn mạng máy tính	3	3					INT425
6	INT561	Thực hành An toàn mạng máy tính	3	3					INT441
		(Chọn 1 trong 3 cặp HP)							
7	INT449	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	2						
8	INT446	TH Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	1						
9	INT472	Phát triển mã nguồn mở	2	2					
10	INT473	Thực hành Phát triển mã nguồn mở	1		1				
11	INT407	Hệ thống thương mại điện tử	2	2					
12	INT408	TH Hệ thống thương mại điện tử	1		1				
		(Chọn 1 trong 3 cặp HP)							
13	INT475	Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	2	2					
14	INT476	Thực hành Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	1		1				
15	INT413	Điện toán đám mây	2						
16	INT432	TH Điện toán đám mây	1						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
Chuyên ngành Công nghệ phần mềm									
1	INT520	Thực tập tốt nghiệp Công nghệ phần mềm	5			5			
2	INT521	Đồ án tốt nghiệp Công nghệ phần mềm	12					12	
Chuyên ngành Hệ thống thông tin									
1	INT522	Thực tập tốt nghiệp Hệ thống thông tin	5			5			
2	INT523	Đồ án tốt nghiệp Hệ thống thông tin	12					12	
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	Theo quy định hiện hành						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra	Theo quy định hiện hành						
7		Tin học chuẩn đầu ra	Theo quy định hiện hành						

Ghi chú:

- * *Giáo dục thể chất: Sinh viên học tập theo kế hoạch của Nhà trường.*
- * *Giáo dục Quốc phòng: Sinh viên học tập theo kế hoạch của Nhà trường.*
- * *Các học phần kỹ năng mềm: Sinh viên liên hệ với Viện Doanh trí để đăng ký học và thi.*
- * *Tin học, ngoại ngữ chuẩn đầu ra: Sinh viên liên hệ với Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ để đăng ký học và thi.*